

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày 27-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B; vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1999. Địa chỉ thường trú: Số nhà 38, Đường số 17, Khu 2, phường H, thành phố T, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022), có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 17, Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vi Quốc T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đào Văn M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thanh H và bà Vũ Thị L có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Ngày 27/6/2021, bà L cần vốn làm ăn nên có hỏi bà H vay số tiền 330.000.000 đồng. Sau khi hai bên thỏa thuận, bà H đã đồng ý cho bà L vay số tiền 330.000.000 đồng. Bà L đã xác nhận đã nhận đủ số tiền trên, theo đó hai bên thỏa thuận không tính tiền lãi suất, thời hạn vay là một tháng, từ ngày 27/6/2021 đến ngày 27/7/2021, bà L sẽ trả lại số tiền đã vay cho bà H là 330.000.000 đồng.

Ngày 27/7/2021, bà L trả cho bà H được số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền bà L còn thiếu bà H là 280.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà L ký biên nhận tiền cho bà H nên hai bên có làm Biên nhận tiền, ký tên xác nhận và lấn tay. Từ sau ngày trả cho bà H 50.000.000 đồng thì bà H tiếp tục liên hệ với bà L yêu cầu trả số tiền còn lại. Ngày 29/01/2022 (29 tết âm lịch), bà L có trả cho bà H được thêm số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, bà H đã nhiều lần liên hệ bà L yêu cầu trả số tiền còn lại nhưng bà L liên cố tình né tránh, không nghe điện thoại của bà H. Hiện tại, số tiền gốc bà L chưa trả cho bà H là 230.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận nội dung: “*Hôm nay 27-12-2021 bà Vũ Thị L trả 50.000.000 (50.000.000 (năm mươi triệu đồng trong tổng số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu) đến 30 tết bà trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu nữa)*” là do bà H viết nhưng không cho bà L ký tên xác nhận.

Nhận thấy hành vi của bà L xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày bà L chậm thanh toán nợ (Từ ngày 29/12/2021) đến khi vụ án được xét xử, tạm tính đến ngày 16/5/2022) với mức lãi suất là 10%/năm cụ thể: $230.000.000 \times 10\% / \text{năm} \times 5 \text{ tháng} = 9.545.000$ đồng.

Tổng cộng, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền 239.545.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Vũ Thị L trình bày:*

Bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thanh H không quen biết nhau trước đó. Ngày 27/12/2021, bà L có vay của bà H số tiền 230.000.000 đồng nhưng do bà H tính cả tiền lãi nên ghi số tiền vay là 330.000.000 đồng. Giấy biên nhận tiền do bà H đánh máy sẵn và đưa cho bà L ký tên, họ tên và điểm chỉ vào bên nhận tiền. Mục đích bà L vay tiền của bà H là để kinh doanh, việc vay mượn tiền là của cá nhân bà H và bà L, không liên quan đến người khác. Biên nhận tiền giữa bà L và bà H chỉ lập 01 bản chính do bà H giữ. Sau khi ký biên nhận vay số tiền 330.000.000 đồng thì bà L đã trả cho bà H được 100.000.000 đồng (Lần 1 vào ngày 27/11/2021 dương lịch, lần 2 vào ngày 30 tết âm lịch năm 2021, mỗi lần trả 50.000.000 đồng).

Hiện tại, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền gốc 230.000.000 đồng và số tiền lãi 9.545.000 đồng theo “Biên nhận tiền ngày 27/12/2021”. Tổng số tiền bà H yêu cầu bà L phải trả là 239.545.000 đồng thì bà L có ý kiến:

Thực tế số tiền gốc bà H vay chỉ là 230.000.000 đồng nhưng do bà H tính cả tiền lãi nên bà H buộc bà L phải ký giấy nhận với số tiền là 330.000.0000 đồng. Bà L đã trả được cho bà H được 100.000.000 đồng. Do đó, bà L chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc còn lại là 130.000.000 đồng. Do bà L đang gặp khó khăn nên bà L không đồng ý trả cho bà H tiền lãi. Bà L không cung cấp chứng cứ tài liệu nào khác, không yêu cầu Tòa án hòa giải và đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 9 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vi Quốc T trình bày:

Ngày 27/6/2021, bà Vũ Thị L có liên hệ vợ chồng ông Vi Quốc T và bà Nguyễn Thanh H để vay số tiền 330.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 01 tháng, đến ngày 27/7/2021 bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H và ông T toàn bộ số tiền gốc đã vay.

Ngày 27/7/2021, bà L đã trả cho ông T và bà H số tiền 50.000.000 đồng, số tiền bà L còn thiếu là 280.000.000 đồng. Ông T và bà H yêu cầu bà L ký bên nhận nên bà L có ký, ghi họ tên và lấn tay. Sau khi bà L trả 50.000.000 đồng thì ông T và bà H tiếp tục liên hệ với bà L yêu cầu trả số tiền còn lại thì đến ngày 29/01/2022 (Ngày 29 tết âm lịch) bà L trả thêm được số tiền 50.000.000 đồng. Hiện tại, số tiền bà L còn thiếu của ông T và bà H là 230.000.000 đồng. Ông T và bà H nhiều lần yêu cầu trả số tiền còn lại nhưng bà L cố tình né tránh, không nghe điện thoại. Ông T đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Tại bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2022, người làm chứng Đào Văn M trình bày:

Bà Vũ Thị L và bà Nguyễn Thanh H không quen biết nhau trước đó. Ngày 27/12/2021, bà L có vay của bà H số tiền 230.000.000 đồng nhưng do bà H tính cả tiền lãi nên ghi số tiền vay là 330.000.000 đồng. Giấy biên nhận tiền do bà H đánh máy sẵn và đưa cho bà L ký tên, họ tên và điểm chỉ vào bên nhận tiền. Mục đích bà L vay tiền của bà H để kinh doanh. Việc vay mượn tiền là của cá nhân bà H và bà L. Biên nhận tiền giữa bà L và bà H chỉ lập 01 bản chính do bà H giữ. Sau khi ký biên nhận vay số tiền 330.000.000 đồng thì bà L đã trả cho bà H được 100.000.000 đồng (Lần 1 vào ngày 27/11/2021 dương lịch, lần 2 vào ngày 30 tết âm lịch năm 2021, mỗi lần trả là 50.000.000 đồng).

Hiện tại, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền gốc 230.000.000 đồng và số tiền lãi 9.545.000 đồng theo “Biên nhận tiền ngày 27/12/2021”. Tổng số tiền bà H yêu cầu bà L phải trả là 239.545.000 đồng thì ông M có xác định thực tế số tiền gốc bà H cho vay chỉ là 230.000.000 đồng nhưng do bà H tính cả tiền lãi nên bà H buộc bà L phải ký giấy nhận với số tiền là 330.000.000 đồng. Bà L đã trả được cho bà H 100.000.000 đồng. Do đó, bà L chỉ phải trả cho bà H số tiền gốc còn lại là 130.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà H xác định bà H có cho bà L vay số tiền 330.000.000 đồng nhưng bà L đã trả 50.000.000 đồng nên ghi số tiền còn lại là 280.000.000 đồng. Sau khi bà H và bà L cùng ký tên thì bà H ghi thêm nội dung “*Hôm nay 27-12-2021 bà Vũ Thị L trả 50.000.000 (50.000.000 (năm mươi triệu đồng trong tổng số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu) đến 30 tết bà trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu nữa)*” nhưng quên cho bà L ký tên xác nhận. Do đó, người đại diện hợp pháp của bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022) là 07 tháng 27 ngày, mức lãi 10%/năm thành tiền lãi 15.141.666 đồng (230.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 27 ngày), tổng cộng số tiền là 245.141.666 đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Vũ Thị L có vay bà Nguyễn Thanh H số tiền 280.000.000 đồng nhưng bà L đã trả được số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 180.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Đối với số tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại Tổ 17, Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định, ngày 27/6/2021 bà Nguyễn Thanh H có cho bà Vũ Thị L vay số tiền 330.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ. Ngày 27/12/2021, bà L trả cho bà H được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 280.000.000 đồng nên mới làm giấy biên nhận tiền đề ngày 27/12/2021. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc bà H cho bà L vay số tiền 330.000.000 đồng và bà L không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận việc bà H cho bà L vay số tiền 330.000.000 đồng.

[3] Tại “Biên nhận tiền” ngày 27/12/2021 do bà H cung cấp thì bà L có vay của bà H số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 28/12/2021, giữa các bên không thỏa thuận lãi suất. Phía dưới chữ “Bên vay” có chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay của bà L, nội dung này được bà L thừa nhận, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà L có vay của bà H số tiền 280.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện xác lập, không vi phạm quy định pháp luật nên có hiệu lực ràng buộc trách nhiệm của các bên.

[4] Đối với nội dung: “*Hôm nay 27-12-2021 bà Vũ Thị L trả 50.000.000 (50.000.000 (năm mươi triệu đồng trong tổng số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu) đến 30 tết bà trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu nữa)*”. Nội dung này do bà H viết tay dưới chữ ký lăn tay của các bên trong giấy biên nhận tiền ngày 27/12/2021, không có chữ ký xác nhận của các bên, bà L không thừa nhận nội dung này nên không có căn cứ để xác định bà L trả tiền vay cho bà H 50.000.000 đồng trong tổng số tiền vay 330.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định bà L có vay của bà H số tiền 280.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng vào ngày 27/12/2021 và

50.000.000 đồng vào ngày 30 tết âm lịch theo sự thừa nhận của các bên. Do đó, bà L chỉ còn nợ bà H số tiền gốc là 180.000.000 đồng.

[6] Bà L cho rằng số tiền gốc bà L vay của bà H chỉ là 230.000.000 đồng và bà L đã trả được 100.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính số tiền lãi của số tiền còn lại là 10%/ năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022). Tuy nhiên, ngày âm lịch của năm 2021 không có ngày 30 nên chỉ có căn cứ xác định ngày 29 âm lịch là ngày 31/01/2022. Do đó, bà L phải chịu tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 27/9/2022 là 07 tháng 27 ngày với mức lãi suất 10%/năm. Bà L phải trả cho bà H tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022) là 180.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 27 ngày = 11.850.000 đồng.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị tính lãi theo quy định là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H đối với bà Vũ Thị L về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Vũ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền vay 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 11.850.000 đồng (Mười một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 191.850.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh H khởi kiện bà Vũ Thị L về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 3.291.666 đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 2.664.583 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.988.625 đồng (Năm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005302 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho bà Nguyễn Thanh H số tiền 3.324.042 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

Bà Vũ Thị L chịu số tiền 9.592.500 đồng (Chín triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huỳnh

